

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-02-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chu Xuân Toàn.

Ông Nguyễn Thái Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Anh Đinh Thế T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Xóm N, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định.

Chị N và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đinh Thế T tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 10/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chăm chỉ làm ăn, lo cho cuộc sống gia đình mà cờ bạc, rượu chè, chơi bời dẫn đến nợ nần nhiều. Chị N đã

khuyến nủ nhưng anh T không thay đổi. Mỗi lần vợ chồng xích mích, cãi vã thì anh T đánh chị N và đập phá đồ đạc trong gia đình. Ngày 02/10/2024, anh T tự ý đưa con chung của anh chị là cháu Đình Thế H, sinh ngày 04/12/2022 về nhà bố mẹ anh T ở xã G, huyện G, tỉnh Nam Định sống trong cháu H còn rất nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Từ đó đến nay, anh T không liên lạc, ngăn cản không cho chị N gặp con. Khi chị N bán hàng trên mạng xã hội thì anh T vào bình luận những lời lẽ không hay, không đúng sự thật, vu khống làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự và công việc làm ăn của chị N. Anh T còn nhắn tin đe dọa, chửi bới, xúc phạm chị N nhiều lần. Chị N cảm thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị N và anh T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T không có ý thức hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị N không thể tiếp tục sống chung với anh T nữa. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T.

Về nuôi con, cấp dưỡng: Chị N và anh T có 01 con chung tên Đình Thế H, sinh ngày 04/12/2022. Cháu H chưa đủ 36 tuổi, còn nhỏ và rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ, chị N có công việc, thu nhập ổn định, đảm bảo khả năng nuôi con nên chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Ý kiến, yêu cầu của bị đơn anh Đình Thế T:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N kết hôn năm 2020 tại UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vợ chồng cưới được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, con cái, đi bán hàng đa cấp. Ngày 10/02/2024, chị N bỏ đi, anh đã đi tìm chị N để nói chuyện nhưng chị N không thay đổi. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với chị N vì anh theo Đ Công giáo.

Về nuôi con, cấp dưỡng: Anh T và chị N có 01 con chung là cháu Đình Thế H, sinh ngày 04/12/2022. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh T và bố mẹ anh T ở xóm N, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. Anh T có công việc ổn định, thu nhập khoảng 20 triệu đồng/tháng nên có đủ điều kiện nuôi con. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi của anh, giao cho anh T được trực tiếp nuôi con và anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị N không có tài sản chung, nợ chung nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Hiện nay anh T đang làm chủ cơ sở sản xuất bia mộ Công Lý, công việc của anh rất bận, phải quản lý công nhân nên anh T không thể vào Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai để làm việc. Anh T xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư

ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích N, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị N được ly hôn anh Đinh Thế T.

Về nuôi con, cấp dưỡng: Giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đinh Thế H, sinh ngày 04/12/2022. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị N là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại “Đơn khởi kiện” ngày 22/11/2024, chị Nguyễn Thị Bích N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Đinh Thế T. Kèm theo đơn khởi kiện, chị N cung cấp cho Tòa án “Phiếu xác nhận thông tin cư trú” thể hiện anh T đăng ký cư trú tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai vào thời điểm chị N nộp đơn khởi kiện. Theo kết quả xác minh tại Công an xã I thì việc đăng ký cư trú của anh T đã được Công an xã I thực hiện đúng quy định của pháp luật về cư trú. Tranh chấp không có yếu tố nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị N.

[1.2] Sau khi vụ án được thụ lý, đến ngày 30/12/2024, anh T đã tiến hành các thủ tục thay đổi địa chỉ đăng ký cư trú của anh T và cháu Đinh Thế H (Là con chung của anh T và chị N) từ thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai đến xóm N, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. Tại khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Trường hợp vụ án dân sự đã được Tòa án thụ lý và đang giải quyết theo đúng quy định của Bộ luật này về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì phải được Tòa án đó tiếp tục giải quyết mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án có sự thay đổi nơi cư trú, trụ sở hoặc địa chỉ giao dịch của đương sự”*. Do đó, việc anh T thay đổi địa chỉ cư trú không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

[1.3] Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có ý kiến xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 10/5/2022 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn của anh chị đảm bảo điều kiện kết hôn, được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên hợp pháp.

[2.2] Về yêu cầu ly hôn: Chị N và anh T đều thừa nhận sau khi kết hôn, chung sống với nhau được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì hai bên trình bày không thống nhất. Theo chị N trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chăm lo làm ăn, không lo cho cuộc sống gia đình, rượu chè, cờ bạc, chời bời nên nợ nần nhiều; mỗi lần vợ chồng xích mích, cãi vã thì anh T đánh chị N và đập phá đồ đạc trong gia đình; từ ngày 02/10/2024 đến nay, anh T đưa theo con chung của anh chị là cháu Đình Thế H về Nam Định ở cùng bố mẹ anh T. Còn theo anh T trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình và con cái, đi bán hàng đa cấp; ngày 10/02/2024, chị N bỏ đi, anh đã đi tìm chị N để nói chuyện nhưng chị N không thay đổi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng do chị N có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và anh T cũng vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị N và anh T là có thật; anh chị không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, hiện nay cả hai đã ly thân, bỏ mặc người kia; anh T thường xuyên có những lời nói xúc phạm, làm tổn hại danh dự, nhân phẩm, tinh thần của chị N; anh T không đồng ý ly hôn với chị N không phải vì vợ chồng không có mâu thuẫn hoặc còn thương yêu nhau mà vì anh T theo Đ Công giáo. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N như vậy là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh T.

[2.3] Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Đình Thế H, sinh ngày 04/12/2022. Anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu người còn lại phải cấp dưỡng nuôi con. Tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi, chị N có công việc, thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con; anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chị N thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị

N, sau khi ly hôn, giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đình Thế H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề này.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các Điều 4, 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn anh Đình Thế T.

1.2. Về nuôi con và cấp dưỡng: Giao con chung của chị Nguyễn Thị Bích N và anh Đình Thế T là cháu Đình Thế H, sinh ngày 04/12/2022 cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày 07/02/2025 cho đến khi thành niên, hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Đình Thế T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy

định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0006086** ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Pưh;
- CCTHADS huyện Chư Pưh;
- UBND xã Ia Le, huyện Chư Pưh;
- Lưu: HSVA, VT-LT, CPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tiến Sỹ